TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 115/2023/HNGĐ-ST

Ngày 31-8-2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Đình Thừa;

2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 221/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Vũ Ngọc T, sinh năm 1972; địa chỉ: Đường D, Tổ F, khu phố C, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu T1 (Nguyễn Thu T1), sinh năm 1979; địa chỉ: Số nhà B đường số A, TTHC D, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 02 năm 2023 và quá trình tố tụng nguyên đơn ông Vũ Ngọc T *trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị Thu T1 có tìm hiểu nhau một thời gian thì tự nguyện chung sống, không tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 10/10/1997, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 17. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng sau đó chuyển về sinh sống tại Bình Dương. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên cuối năm 2015 bà T1 chuyển đến sinh sống tại D, Bình Dương, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Ông xác định không còn tình cảm vợ chồng với bà T1 nên yêu cầu được ly hôn với bà T1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Vũ Hồng N, sinh năm 1998 và Vũ Công D, sinh năm 2002. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 09/8/2023, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T1 (Nguyễn Thu T1) trình bày: Thống nhất với lời khai của ông T về thời gian kết hôn, thời gian sinh sống, về nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân. Bà cũng xác định không còn tình cảm với ông T nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T.

- *Tại Công văn số 40/UBND ngày 14/7/2023 của* Ủy ban nhân dân xã H *về việc xác minh thông tin đương sự,* UBND xã H *cung cấp thông tin như sau:* Ngày 10/10/1997 UBND xã H chỉ đăng ký kết hôn số 17 cho ông Vũ Ngọc T sinh này 04/10/1972 và bà Nguyễn Thu T1, sinh ngày 15/8/1979, ngoài ra không đăng ký kết hôn cho trường hợp nào có tên Vũ Ngọc T sinh này 04/10/1972 và bà Nguyễn Thu T1, sinh ngày 15/8/1972. Trong giấy chứng nhận kết hôn ghi là Nguyễn Thu T1 sinh năm 1979, tuy nhiên trong Trích lục kết hôn là Nguyễn Thu T1 sinh năm 1972. Do ông Vũ Ngọc T đến xin Trích lục kết hôn không có bản chính Giấy chứng nhận kết hôn để xác thực thông tin do đó cán bộ Tư pháp tiến hành tra cứu sổ lưu đăng ký Kết hôn năm 1994 để cấp trích lục kết hôn (trong sổ lưu lại ghi là Nguyễn Thu T1 sinh ngày 15/8/1972).

"….."

Qua các thông tin trên UBND xã H xác nhận bà Nguyễn Thu T1 trong Giấy chứng nhận kết hôn và bà Nguyễn Thị Thu T1 trong giấy khai sinh của các con là cùng một người.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Sự chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật liên quan, nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 để xét xử vắng mặt các đương sự.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án nhận thấy nguyên đơn và bị đơn đồng ý ly hôn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Ngọc T và bà Nguyễn Thị Thu T1 (Nguyễn Thu T1) là vợ chồng có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 17/94, quyển 02 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 10/10/1997, nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2] Theo đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình tố tụng nguyên đơn xác định mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã có thời gian sống ly thân từ năm 2015 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, không chăm sóc nhau. Quá trình tố tụng bị đơn cũng thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân. Bị đơn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét, đây là sự tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về con chung: Vũ Hồng N, sinh năm 1998 và Vũ Công D, sinh năm 2002. Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

Từ những phân tích trên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là có cơ sở chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vũ Ngọc T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 229, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Ngọc T được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu T1 ((Nguyễn Thu T1) - giấy chứng nhận kết hôn số 17 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện D, tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 10/10/1997).

2. Về con chung: Các con đã trưởng thành không yêu cầu tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.*4. Về án phí dân sự sơ thẩm:* Ông Vũ Ngọc T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006480 ngày 02 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- Đương sự (2);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- THADS thành phố Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Hoa